

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2017/DS-ST

Ngày 29/12/2017

V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự gửi
giữ tài sản và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quan Nam

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thế

2. Bà Trần Kim Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2017/TLST- DS ngày 16/8/2017, về việc “Tranh chấp về hợp đồng gửi giữ tài sản và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2017/QĐXXST-DS ngày 04/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bùi Văn N, sinh năm 1941; (Có mặt tại phiên tòa)

2. Lê Thị N1, sinh năm 1952; (Có mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: Số 298, ấp A, xã D, huyện V, Đồng Tháp

- *Bị đơn:* Bùi Văn L, sinh năm 1982; (Có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số 298, ấp A, xã D, huyện V, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bùi Văn L1, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Bùi Văn N và bà Lê Thị N1 cùng trình bày: Vào tháng 5/2015 ông N và bà N1 có gửi cho anh Bùi Văn L giữ gìn 30 chỉ vàng 24k (Vàng 9999), nay ông N, bà N1 cần sử dụng 30 chỉ vàng trên nên yêu cầu anh L trả lại nhưng anh Nô không đồng ý trả.

Ngoài 30 chỉ vàng nói trên ông N, bà N1 còn có 01 dàn âm thanh gồm: 04 thùng loa (Không nhớ hiệu) loại 04 tất, 02 thùng loa loại 5 tất, 01 cục men (cục công suất), 02 cái micro, 01 cái phân tần. Dàn âm thanh trên mua cách nay khoảng 5 năm với giá là 35.000.000 đồng. Nay trị giá là 30.000.000 đồng, anh L tự ý lấy dàn âm thanh này của ông N, bà N1 sử dụng đến nay. Từ trước đến nay ông N, bà N1 không kêu anh L bán vàng gì cho anh L1 và cũng không hứa cho đất gì cho anh L. Việc anh L cho tiền Bùi Văn L1 như thế nào ông N bà N1 không biết, còn đất của ông N, bà N1 cho người khác thuê là đất của ông N, bà N1 chứ không có đất nào là của anh L cả.

Nay ông N bà N1 yêu cầu anh L trả lại 30 chỉ vàng 24k (Vàng 9999) và yêu cầu L trả lại giá trị dàn âm thanh là 30.000.000 đồng.

- Anh Bùi Văn L trình bày: Anh L thừa nhận vào khoảng tháng 5/2015 bà N1 có gửi anh L giữ gìn 30 chỉ vàng 24k (Vàng 9999), đến khoảng tháng 9/2015 anh L bán 20 chỉ vàng 24k của bà N1 gửi để cho anh Bùi Văn L1 là anh ruột của anh L (Trị giá của 01 công đất), nên anh L đã bán 20 chỉ vàng, giá 60.000.000 đồng và giao cho anh L1, còn lại 10 chỉ vàng anh L đã bán chỉ tiêu trong gia đình hết không còn, vì lúc này anh L sống chung với ông N bà N1. Nên 30 chỉ vàng trên anh L không còn giữ cho bà N1, nay không đồng ý trả cho ông N, bà N1.

Đối với dàn âm thanh gồm: 04 thùng loa (Không nhớ hiệu) loại 04 tất, 02 thùng loa loại 5 tất, 01 cục men (Cục công suất), 02 cái micro, 01 cái phân tần ông N bà N1 trình bày trên, anh L xác định hiện anh L đang quản lý và thống nhất trị giá là 30.000.000 đồng theo như ông N, bà N1 trình bày. Dàn âm thanh này do anh L và ông N hùn mua chung (Mua đồ đã qua sử dụng của người khác, mua vào khoảng năm 2009). Vậy ông N chỉ còn 15.000.000 đồng giá trị của ½ dàn âm thanh. Nay L đồng ý giao dàn âm thanh lại cho ông N, bà N1 quản lý sử dụng và yêu cầu ông N, bà N1 trả lại cho anh L 15.000.000 đồng.

Nay anh L không đồng ý trả lại cho ông N bà N1 30 chỉ vàng 24k vàng 9999 và dàn âm thanh. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ông N bà N1 buộc anh L trả lại cho ông N bà N1 30 chỉ vàng 24k và dàn âm thanh thì anh L không yêu cầu anh L1 trả lại 60.000.000 đồng.

- Anh Bùi Văn L1 trình bày: Vào tháng 6/2015 anh L có kêu anh L1 nói rằng ông N, bà N1 hứa cho anh L và chị Bùi Thị Kim N2 mỗi người khoảng 05 công (5000m²) đất lúa, không cho anh L1 công nào, nên anh L tự nguyện cho anh L1 60.000.000 đồng (Trị giá 1000m² đất), nhưng với điều kiện anh L1 phải cắt hộ khẩu ra khỏi hộ của anh L, ông N và bà N1, anh L1 đồng ý và đã nhận của anh L

60.000.000 đồng và đã cắt hộ khẩu ra khỏi hộ của ông N, bà N1 và anh L. Anh L thỏa thuận cho anh L1 60.000.000 đồng bà N1, ông N hoàn toàn không hay biết, việc bà N1 và ông N gửi vàng cho anh L giữ gìn anh L1 cũng không hay biết, đồng thời lúc anh L giao cho anh L1 60.000.000 đồng, anh L1 cũng không biết số tiền 60.000.000 đồng anh L có từ đâu. Anh L1 chỉ biết số tiền nói trên là do anh L tự nguyện cho anh L1, với điều kiện là anh L buộc anh L1 cắt hộ khẩu ra khỏi hộ của anh L. Nay ông N, bà N1 yêu cầu anh L trả lại 30 chỉ vàng 24k và dàn âm thanh, anh L1 không ý kiến. Đối với số tiền 60.000.000 đồng anh L cho anh L1, anh L1 không đồng ý trả lại cho anh L.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 166, 554, 556, 557 của Bộ luật Dân sự. Buộc anh Bùi Văn L hoàn trả cho ông Bùi Văn N, bà Lê Thị N1 30 chỉ vàng 24k, vàng 9999 và 15.000.000 đồng, giao cho anh L được tiếp tục sở hữu dàn âm thanh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Văn N, bà Lê Thị N1 khởi kiện về việc tranh chấp về hợp đồng gửi giữ tài sản và đòi lại tài sản với anh Bùi Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Bùi Văn L, sinh năm 1982; Địa chỉ: 298, ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Bùi Văn N, bà Lê Thị N1 yêu cầu anh Bùi Văn L trả lại vàng gửi giữ là 30 chỉ vàng 24k vàng 9999 và dàn âm thanh, nên yêu cầu của ông N và bà N1 là tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản và Đòi lại tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 166, 554, 556, 557 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét thấy vào tháng 5/2015 ông Bùi Văn N và bà Lê Thị N1 có gửi cho anh Bùi Văn L giữ gìn 30 chỉ vàng 24k (Vàng 9999), nay ông N, bà N1 cần sử dụng 30 chỉ vàng trên nên yêu cầu anh L trả lại nhưng anh L không đồng ý trả.

Tại phiên tòa anh L thừa nhận là vào tháng 5/2015 ông Bùi Văn N và bà Lê Thị N1 có gửi cho anh Bùi Văn L giữ gìn 30 chỉ vàng 24k (Vàng 9999). Tuy nhiên anh L cho rằng vào khoảng tháng 9/2015 anh L đã bán 20 chỉ vàng giá

60.000.000 đồng và giao cho anh Bùi Văn L1, còn lại 10 chỉ vàng anh L đã bán chỉ tiêu trong gia đình hết không còn, vì lúc này anh L sống chung với ông N, bà N1. Nên 30 chỉ vàng trên anh L không còn giữ cho bà N1, nay không đồng ý trả cho ông N, bà N1 30 chỉ vàng 24k nói trên.

Xét thấy lời trình bày và yêu cầu trên của anh L là không cơ sở, không được chấp nhận. Bởi vì tại phiên tòa hôm nay ông N và bà N1 không thừa nhận có kê anh L bán 20 chỉ vàng 24k của bà N1 và ông N để cho anh Bùi Văn L1, đồng thời tại phiên tòa hôm nay anh L không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh là bà N1 có kê anh L bán 20 chỉ vàng 24k của bà N1 và ông N trong số 30 chỉ vàng 24k bà N1, ông N gửi anh L giữ để cho anh L1. Do đó việc ông N, bà N1 cho rằng có gửi anh L giữ giữ 30 chỉ vàng 24k là có thật. Nay ông N bà N1 yêu cầu anh L trả lại 30 chỉ vàng 24k vàng 9999 là có cơ sở và phù hợp với Điều 559 Bộ luật dân sự.

Giá vàng vào thời điểm xét xử ngày 29/12/2017 là 3.560.000 đồng/01 chỉ.

[3.2] Đối với dàn âm thanh gồm: 04 thùng loa (Không nhớ hiệu) loại 04 tất, 02 thùng loa loại 5 tất, 01 cục men (Cục công suất), 02 cái micro, 01 cái phân tần, ông N, bà N1 và anh L thống nhất trị giá là 30.000.000 đồng, hiện anh L đang quản lý. Ông N, bà N1 cho rằng dàn âm thanh này là của ông N, bà N1, nay anh L tự ý lấy, quản lý sử dụng. Tuy nhiên ông N, bà N1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh rằng dàn âm thanh trên là của ông N, bà N1. Nhưng tại phiên tòa anh L thừa nhận dàn âm thanh trên là anh L hùn tiền với ông N để mua, dàn âm thanh là của chung của ông N và anh L, nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của anh L, dàn âm thanh ông N, bà N1 tranh chấp với anh L là của chung giữa ông N, bà N1 với anh L.

Do ông N, bà N1 và anh L thống nhất giá trị dàn âm thanh là 30.000.000 đồng và dàn âm thanh này do anh L đang quản lý, ông N, bà N1 thì không có nhu cầu sử dụng, nên Hội đồng xét xử giao cho anh L tiếp tục quản lý sử dụng, anh L có nghĩa vụ trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị dàn âm thanh cho ông N, bà N1 là 15.000.000 đồng.

[3.3] Đối với việc anh L và anh L1 cho rằng vào tháng 6/2015 anh L nói rằng: Ông N, bà N1 hứa cho anh L và chị Bùi Thị Kim N2 (Em gái anh Nô và anh L1) mỗi người khoảng 05 công (5000m²) đất lúa, không cho anh L1 công nào, nên anh L tự nguyện cho anh L1 60.000.000 đồng (Trị giá bằng 1000m² đất), nhưng với điều kiện anh L1 phải cắt hộ khẩu ra khỏi hộ của anh L, ông N và bà N1, anh L1 đồng ý và đã nhận của anh L 60.000.000 đồng và đã cắt hộ khẩu ra khỏi hộ của ông N, bà N1 và anh L. Nay anh L và anh L1 đều không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 60.000.000 đồng trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc anh L trả lại cho ông N, bà N1 30 chỉ vàng 24k vàng 9999 và 15.000.000 đồng ($\frac{1}{2}$ giá trị dàn âm thanh) nên buộc anh Bùi Văn L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản anh L phải trả cho ông N, bà N1. Do không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Bùi Văn N và bà Lê Thị N1 đối với số tiền 15.000.000

đồng (1/2 giá trị dàn âm thanh) nên ông N, bà N1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 15.000.000 đồng trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, 554, 556, 557 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn N, bà Lê Thị N1 đối với anh Bùi Văn L.

2. Buộc anh Bùi Văn L hoàn trả cho ông Bùi Văn N, bà Lê Thị N1 30 (Ba mươi) chỉ vàng 24k, vàng 9999 và 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Văn N, bà Lê Thị N1 có đơn yêu cầu thi hành án, anh Bùi Văn L chưa trả số vàng và tiền trên cho ông N, bà N1 thì anh L còn phải trả lãi cho cho ông N, bà N1, đối với vàng theo mức lãi suất bình quân của các tổ chức tín dụng tại địa phương có quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Đối với tiền theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Công nhận anh Bùi Văn L được quyền sở hữu dàn âm thanh gồm: 04 thùng loa loại 04 tất, 02 thùng loa loại 5 tất, 01 cục men (Cục công suất), 02 cái micro, 01 cái phân tần hiện anh Bùi Văn L đang quản lý (Có biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/11/2017 kèm theo).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Bùi Văn L nộp 6.090.000 đồng (Sáu triệu, không trăm chín chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Bùi Văn N và bà Lê Thị N1 nộp 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự ông N, bà N1 đã nộp là 1.013.000 đồng theo biên lai số 16597 ngày 16/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Ông N, bà N1 còn được nhận lại 263.000 đồng (Hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai có mặt các bên đương sự báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Huyện;
- VKSND Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Quan Nam